

Hệ thống giáo dục

Hàn Quốc

Khuyến cáo

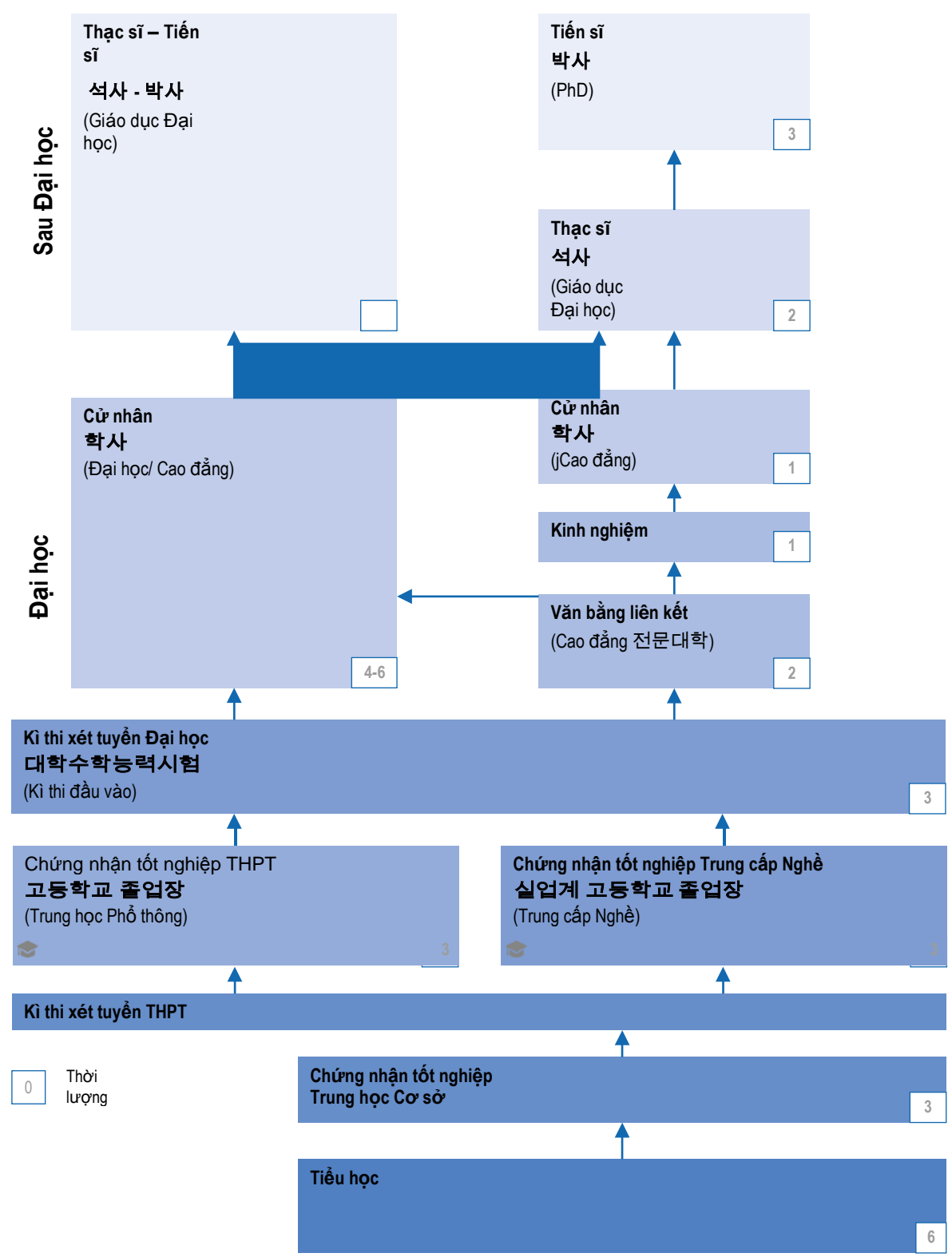
Chúng tôi đã tập hợp thông tin để mô tả về các hệ thống giáo dục với sự cẩn trọng lớn nhất. Tuy nhiên, chúng tôi không thể chịu trách nhiệm về hậu quả của sai sót hoặc không đầy đủ thông tin trong tài liệu này.



Bản Quyền

Ngoại trừ hình ảnh và hình minh họa, nội dung của tài liệu này thuộc Giấy phép Creative Commons Attribution Non- Commercial 3.0 Unported (CC BY-NC 3.0). Để biết thêm thông tin về việc tái sử dụng tài liệu này, vui lòng truy cập <https://www.nuffic.nl/en/home/copyright>

■ Hệ thống giáo dục Hàn Quốc



■ Biểu đồ đánh giá

Trong biểu đồ dưới đây, cột bên trái liệt kê các bằng cấp nước ngoài phổ biến nhất với các mức tương ứng trong Khung trình độ Quốc gia và Châu Âu. Những cột còn lại so sánh với Hà Lan, với mức tương ứng trong khung trình độ Hà Lan và châu Âu

Degree or qualification	Dutch equivalent and NLQF level		EQF level
Vocational High School Certificate	MBO diploma (qualification level 2 or 3)	2/3	2/3
High School Certificate (general high school)	HAVO diploma	4	4
High School Certificate (science high school)	At least a HAVO diploma	4	4
Associate degree (2 years)	2 years of HBO	5	5
Bachelor (4 years)	HBO or WO bachelor's degree	6	6
Higher Diploma in Technical Education	HBO bachelor's degree	6	6
Master (2 years)	WO master's degree	7	7

Ghi chú

- Thông tin được liệt kê trong bảng chỉ mang tính chất tham khảo, không phải thước đo để đánh giá các vấn đề pháp lý.
- NLQF = Hệ thống Văn bằng Hà Lan. EQF = Hệ thống Văn bằng Châu

- Khung EQF/[NLQF level](#) không phản ánh chương trình học của mỗi người; thay vào đó là lượng kiến thức và kỹ năng mỗi người sẽ có được sau khi hoàn thành chương trình học.
- Thông tin về các văn bằng tương đương của Hà Lan có thể được tìm thấy trên trang web: [the Dutch education system](#) .
- [The Cooperation Organisation for Vocational Education, Training and the Labour Market \(SBB\)](#) , kiểm định các văn bằng nước ngoài ở trình độ VMBO và MBO. Sự kiểm định có thể khác nhau khi SBB xem xét các trường hợp VET schools hoặc để tham gia vào thị trường lao động của Hà Lan.

■ Giới thiệu

Hàn Quốc (Daehan Minguk, ROK) chính thức được ghi nhận từ năm 1948 và được chia thành mười sáu đơn vị hành chính, bao gồm chín tỉnh, sáu thành phố và thủ đô Seoul. Người đứng đầu nhà nước là tổng thống dân cử.

Sau thất bại của Nhật Bản trong Chiến tranh thế giới thứ hai, sự đô hộ của Nhật Bản tại Hàn Quốc đã chấm dứt và bán đảo Triều Tiên bị chia cắt thành quốc gia phương Bắc (Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên), nhận được sự ủng hộ từ Liên Xô, và một nền dân chủ lập hiến tại miền Nam. Sau đó được đổi tên thành Hàn Quốc (ROK) vào năm 1948. Mô tả này chỉ liên quan đến Hàn Quốc hoặc Nam Hàn.

Đạo luật Giáo dục năm 1948 đánh dấu sự thành lập một hệ thống giáo dục rất giống với hệ thống của Trung Quốc. Nguồn hỗ trợ tài chính từ các quốc gia như Hoa Kỳ đã thúc đẩy mạnh mẽ quá trình công nghiệp hóa của Hàn Quốc, điều này đã tạo ra những ảnh hưởng rất lớn đến cấu trúc của hệ thống giáo dục quốc gia.

Bộ Giáo dục chịu trách nhiệm quản lý tất cả các loại hình giáo dục ở Hàn Quốc kể từ năm 1948. Bộ đã trải qua một số thay đổi về tên, nhưng tên hiện tại của nó là Bộ Giáo dục (MOE).

Trong số nhiều nhiệm vụ và mục đích, MOE chịu trách nhiệm xây dựng và thực hiện chính sách trong lĩnh vực hoạt động học thuật, khoa học và giáo dục. Bộ chịu trách nhiệm xây dựng chính sách cho các cơ sở giáo dục tiểu học, trung học và đại học, viết và xuất bản sách giáo khoa cùng các chương trình giảng dạy mới, cung cấp hỗ trợ ngân sách và tài chính cho toàn bộ hệ thống trường học, giám sát các trường cao đẳng, đại học sư phạm và chính sách nhân sự của các trường. Hệ thống giáo dục dựa trên triết lý truyền thống của hongikingan, hay những điều thiện chung cho nhân loại.

Trong những năm 1950, với trọng tâm là xây dựng lại hệ thống giáo dục với sự nhấn mạnh rất lớn vào việc tự chủ giáo dục. Các trường đại học quốc gia và các tổ chức đào tạo giáo viên được thành lập, sách giáo khoa và chương trình quốc dân bắt đầu được tạo ra từ cấp tiểu học. Thập niên 1960 và 1970 đã tập trung vào việc mở rộng số lượng học sinh, cơ sở giáo dục và số lượng giáo viên nhằm phổ cập giáo dục trên toàn quốc. Số lượng học sinh ngày càng tăng dẫn đến sự cạnh tranh nặng nề để được nhận vào các trường đại học. Nhiều biện pháp sau đó đã được thực hiện để điều chỉnh hệ thống hiệu quả hơn. Những năm 1980 đặc trưng bởi những thay đổi về chất lượng hệ thống giáo dục, như sự ra đời của một hệ thống học tập suốt đời và đổi mới chính sách tại các cơ sở giáo dục. Trong những năm 1990, quyền tự chủ địa phương đã trở thành một mục quan trọng trong chương trình nghị sự của các nhà làm chính sách giáo dục.

Tính đến nay, khoảng 80 phần trăm tất cả các tổ chức giáo dục đại học là tư

nhân, tất cả đều thuộc trách nhiệm của MOE. Các tổ chức tư nhân cho giáo dục trung học cũng tồn tại.

Ngôn ngữ chính thức được sử dụng trong giáo dục trên toàn quốc là Hangeul. Chữ Quốc ngữ Hàn Quốc là một hệ thống ngữ âm bao gồm mười nguyên âm và mười bốn phụ âm kết hợp để tạo thành âm tiết. Mỗi kí tự hình vuông của Hàn Quốc đại diện cho một âm tiết.

Khoảng đầu thế kỷ này, những thay đổi đã được diễn ra trong hệ thống giao tiếp, dẫn đến sự thay đổi cách đánh vần của các tổ chức giáo dục đại học khác nhau bằng tiếng Anh. Những thay đổi này chủ yếu liên quan đến các phụ âm đầu tiên của tên (ví dụ: 'Kimpo, đã trở thành' Gimpoat, 'Pusan Hồi trở thành' Busan, 'Chonju đấm trở thành' Jeonju ').

Giáo dục bắt buộc kéo dài 9 năm, bao gồm trường tiểu học và trung học cơ sở, dành cho học sinh từ 6 đến 15 tuổi.

Năm học diễn ra từ tháng 3 đến tháng 2

■ **Giáo dục tiểu học và Trung học**

Giáo dục Tiểu học

Trường tiểu học hoặc cấp giáo dục tiểu học (초등학교, Chodeung Hakgyo) kéo dài 6 năm (Lớp 1-6), miễn phí và phổ cập cho học sinh từ 6-12 tuổi. Học sinh có bắt đầu theo học tại một trường tiểu học (kuckmin hakgyo) trong độ tuổi từ 5 đến 7. Năm học kéo dài 34 tuần. Từ năm 1997, tiếng Anh đã được giảng dạy chính thức như một môn học từ lớp 3 trở đi. Chương trình Giảng dạy Nền tảng Quốc gia Thứ 7 được thành lập bởi Viện đào tạo và đánh giá chương trình (KICE) Hàn Quốc và hiện đang được đi vào hoạt động. Từ lớp 3 trở đi, chương trình giảng dạy tiểu học tiêu chuẩn bao gồm các môn sau: nghệ thuật ngôn ngữ Hàn Quốc, đạo đức, các môn chuyên ngành xã hội, toán học, khoa học, thực hành, giáo dục thể chất, âm nhạc, nghệ thuật, ngoại ngữ (tiếng Anh), hoạt động ngoại khoá và hoạt động đặc biệt. Thông tin thêm có thể được tìm thấy trên các trang web KICE và MOE. Thông tin chi tiết xem tại [Useful websites](#).

Giáo dục Trung học

Giáo dục Trung học Cơ sở, (중학교, Junghakgyo) được cung cấp tại một trường trung học cơ sở (trung học sơ cấp), là nền tảng của những năm đầu giáo dục trung học. Giai đoạn này là một phần trong chương trình bắt buộc. Thời gian đào tạo chính thức kéo dài 3 năm (Lớp 7-9), dành cho học sinh từ 12/13 đến 15/16 tuổi. Việc nhập học được xét mà không cần kiểm tra đầu vào. Chương trình giảng dạy bao gồm các môn học tương tự như Lớp 3-6, nhưng với các chủ đề và mức độ khác nhau cùng bao gồm khóa học thực tế ở Lớp 8 và 9; giáo dục kỹ thuật cho con trai, và kinh tế gia đình cho con gái. Sau khi hoàn thành chương trình, học sinh được trao Bằng Tốt nghiệp Trung học cơ sở (Jung Hakgyo Chorupchung).

Giáo dục trung học phổ thông (고등학교, Godeung Hakgyo), đôi khi còn được gọi là giáo dục trung học cao cấp, là những năm cuối của giáo dục trung học và kéo dài trong 3 năm (Lớp 10-12). Chương trình dành cho học sinh từ 15-18 tuổi.

Có nhiều loại trường trung học: trường trung học đại trà, trường trung học dạy nghề, trường trung học khoa học và trường trung học đặc biệt, bao gồm trường ngoại ngữ và trường trung học nghệ thuật. Ở cấp học này học sinh phải đóng tiền học (học phí).

Để vào trường trung học, học sinh phải vượt qua kỳ thi tuyển sinh. Chính sách tuyển sinh rất cạnh tranh. Học sinh muốn vào các trường trung học dạy nghề có thể chọn trường ưa thích của họ, trong khi học sinh muốn học trường trung học phổ thông đại trà được chỉ định một trường trong khu vực của họ. Việc nhập học vào một trường trung học dạy nghề có thể được duyệt bằng cách kiểm tra đầu vào và/ hoặc xét bằng điểm học sinh từ trường trung học cơ sở.

Mặc dù lớp 10 vẫn bao gồm các môn học trong Chương trình giảng dạy cơ bản quốc gia, nhưng học sinh lớp 11 có thể chọn giữa ba cụm môn học: xã hội, khoa học hoặc đào tạo nghề. Vào cuối chương trình, Godeung Hakgyo Jolupjang (Giấy chứng nhận Tốt nghiệp trung học) sẽ được trao. Thông tin thêm về giáo dục trung học có sẵn trên MOE [website](#) .

Về cấp độ, văn bằng tốt nghiệp Trung học Phổ thông (고등학교 졸업장, Godeung Hakgyo Jolupjang) học sinh nhận được từ các trường Trung học phổ thông thường tương ứng với văn bằng HAVO.

Trung học Phổ thông chuyên Tự nhiên (과학고등학교, Gwahak Godeung Hakgyo) chủ yếu hướng đến đối tượng các học sinh đặc biệt tài năng trong các môn khoa học tự nhiên. Nếu được nhận vào các cơ sở đào tạo này, học sinh có thể hoàn thành chương trình giáo dục trung học phổ thông 3 năm trong vòng 2 năm, và sau đó được nhận thẳng vào một trường đại học uy tín mà không cần kiểm tra đầu vào. Việc tự thí nghiệm và nghiên cứu là trọng tâm trong chương trình, thêm vào đó là các hoạt động trao đổi và hợp tác với các trường trung học, trung tâm nghiên cứu và trường đại học nước ngoài... Học sinh các trường trung học phổ thông chuyên tự nhiên cũng thành công trong kì thi Olympic dành cho các môn học của họ.

Về cấp độ, văn bằng tốt nghiệp Trung học Phổ thông (고등학교 졸업장, Godeung Hakgyo Jolupjang) học sinh nhận được từ các trường Trung học phổ thông chuyên tương ứng với văn bằng HAVO

Nguyên tắc tương tự áp dụng cho các trường trung học phổ thông đặc biệt như trường trung học phổ thông chuyên tự nhiên: chỉ những học sinh tài năng nhất trong các lĩnh vực cụ thể (âm nhạc, nghệ thuật, thể thao, khiêu vũ, ngoại ngữ) được nhận vào trường, một phần dựa trên khuyến nghị của hiệu trưởng hoặc giáo viên trung học cơ sở. Những trường này đã tồn tại từ năm 2002.

Trung cấp đào tạo nghề

Các trường trung cấp (실업계 고등학교, *Silop Godeung Hakgyo*) cung cấp một chương trình đào tạo bao gồm các môn học chung của hệ đào tạo trung học phổ thông cộng với một vài học phần dạy nghề. Sinh viên có thể chọn từ các chuyên ngành sau: nông nghiệp, công nghệ, thương mại, thủy lợi, công nghiệp và bất động sản. Yêu cầu đầu vào là hoàn thành kỳ thi tuyển sinh (실업계 고등학교 선발, *Silopgye Godeung Hakgyo Sunbal Chedo*). Thời gian đào tạo chính thức của chương trình là 3 năm, vào cuối năm đó, *Silop Godeung Hakgyo Jolupjang* (고등학교, hoặc Chứng chỉ Trung cấp Dạy nghề) được trao cho học sinh. Chứng chỉ này cho phép thí sinh đủ điều kiện làm bài kiểm tra đầu vào các trường đại học, nhưng chỉ một tỷ lệ nhỏ học sinh sau khi học nghề muốn theo học tiếp đại học, và chỉ một phần nhỏ trong số đó thành công.

Về cấp độ, Văn bằng Trung cấp nghề (실업계 고등학교 졸업장, *Silop Godeung Hakgyo Jolupjang*) tương đương với văn bằng MBO cấp 2 hoặc 3, tùy thuộc vào chuyên ngành.

Tuyển sinh vào chương trình Giáo dục Đại học

Trong số những điều kiện tuyển sinh khác, yêu cầu tất yếu cho mỗi học sinh khi muốn tham gia vào giáo dục đại học là hoàn thành kỳ thi tuyển sinh theo chuẩn, được gọi là Kỳ thi Năng lực Học tập Đại học Đánh giá (CSAT) (수학능력, *Daehak Suhak Neungluk Siheom*). Kỳ thi này được giới thiệu vào năm 2004, thuộc trách nhiệm quản lý của KICE và diễn ra hàng năm vào tháng 11. Nó bao gồm năm môn học phải kiểm tra: tiếng Hàn, toán, ngoại ngữ (tiếng Anh), khoa học xã hội / khoa học tự nhiên / nghề (học sinh chọn một trong ba môn này) và ngoại ngữ thứ hai / chữ Hán và Tiếng Hàn Kinh điển.

Học sinh được phép hoàn thành một số hoặc tất cả các bài kiểm tra trong phạm vi chủ đề liên quan mà họ lựa chọn. Điểm cho môn tiếng Hàn, toán học và ngoại ngữ được chấm trong khoảng từ 0 đến 200, với 100 là điểm vượt qua tối thiểu. Đối với các bài kiểm tra riêng trong các môn chính, điểm số nằm trong khoảng từ 0 -100 với điểm vượt qua là 50. Số điểm cao nhất có thể đạt được cho toàn bộ bài kiểm tra là 400. Để được nhận, điểm tối thiểu là 250. Thông tin chi tiết, xem tại [website của KICE](#).

Sinh viên Hàn Quốc có một nỗ lực đáng kể vào việc học để vượt qua kỳ thi tuyển

sinh giáo vào đại học.

Nhiều học sinh học gia sư hoặc các lớp dạy thêm để chuẩn bị cho kỳ thi này, điều đó có nghĩa là học sinh ít quan tâm đến các hoạt động ngoại khóa ở trường trung học và có xu hướng bỏ qua các môn không được kiểm tra trong CSAT. Gần đây, MOE đã quyết định thiết lập một hệ thống cán bộ tuyển sinh mới, với các trường đại học nhận được tài trợ cho việc tuyển dụng cán bộ tuyển sinh, những người được đào tạo để phỏng vấn, chọn ra các sinh viên để vào trường mà không sử dụng CSAT.

Ngoài điểm CSAT, các tổ chức giáo dục đại học cũng có thể làm các bước sau để tăng khả năng trúng tuyển Đại học như tham gia các khóa học dự bị, xây dựng hồ sơ cá nhân, các hoạt động ngoại khóa, thư giới thiệu, vv. Tại một số trường đại học, điểm CSAT chiếm 50% tổng số điểm xét tuyển, trong khi 50% còn lại bao gồm kết quả học tập trung học cơ sở (40%) và hoạt động ngoại khóa (10%). Học sinh cần 122 tín chỉ trong chương trình học trung học để được nhận vào đại học. Đặc biệt là các trường đại học kỹ thuật không sử dụng CSAT, nhưng yêu cầu đầu vào khác với các trường đại học khác, như thư giới thiệu và tài liệu khác chứng minh rằng sinh viên có kỹ năng học tập và nghiên cứu cần thiết trong lĩnh vực công nghệ và kỹ thuật. Những trường này thường tổ chức kỳ thi tuyển sinh riêng của họ.

Đối với một số chuyên ngành (bao gồm nghệ thuật, ngoại ngữ và toán học), sinh viên có thể được áp dụng quy trình lựa chọn đặc biệt nhằm xác định những tài năng đặc biệt. Đại diện cho hội sinh viên, sinh viên có thành tích học sinh xuất sắc, các chuyên gia, người đã đi làm và sinh viên từ khu vực nông thôn cũng thuộc thể loại được xét này.

Sinh viên tốt nghiệp từ các trường trung học phổ thông chuyên tự nhiên được nhận vào các trường đại học kỹ thuật có uy tín, trong khi nhiều sinh viên tốt nghiệp từ các trường trung học phổ thông chuyên ngoại ngữ muốn ra nước ngoài để theo học giáo dục đại học.

■ Giáo dục Đại học

Giáo dục đại học được cung cấp chủ yếu bởi các trường đại học (đại học công nghiệp, đại học sư phạm, đại học báo chí và bưu điện, đại học online) và cao đẳng (cao đẳng, cao đẳng online, cao đẳng kỹ thuật, cao đẳng trong công ty, cao đẳng thuộc trường đại học) cũng như các viện nghiên cứu và các tổ chức giáo dục khác. Có sự khác biệt giữa các tổ chức giáo dục cấp quốc gia (được MOE tài trợ và quản lý), các tổ chức công lập (được tài trợ và quản lý bởi ban quản lý địa phương) và các tổ chức tư nhân (được tài trợ và quản lý bởi cá nhân hoặc tổ chức). Ba trường đại học danh tiếng nhất là Đại học Quốc gia Seoul (서울, Seoul Daehakgyo), Đại học Hàn Quốc (고려 대학교, Korea Daehakgyo) và Đại học Yonsei (학교, Yonsei Daehakgyo), viết tắt là khối SKY. Các trường đại học quốc gia cũng có uy tín trong hệ thống giáo dục Hàn Quốc.

Số lượng các tổ chức giáo dục đại học ở Hàn Quốc đã tăng đáng kể trong những thập kỷ gần đây.

Trong năm 2007, có hơn 400 tổ chức giáo dục đại học trong nước, hiện tại con số này đang giảm trở lại do các cơ sở quy mô nhỏ đóng cửa vì khó khăn về tài chính hoặc sáp nhập.

Chính phủ đã thiết lập nhiều dự án giáo dục đại học khác nhau để thực hiện cải cách hệ

thống giáo dục đại học.

Dự án Brain Korea 21 (1999) nhằm phát triển và khuyến khích các nhà nghiên cứu, sáng tạo xuất sắc. Các trường đại học tham gia hình thành mạng lưới nghiên cứu, mỗi mạng lưới đứng đầu bởi một trường đại học danh tiếng. Kinh phí được các quỹ của chính phủ dành trực tiếp cho các Thạc sĩ và Tiến sĩ, và cung cấp cho họ một môi trường làm việc đầy đủ điều kiện, tạo động lực qua các cơ hội học tập ở nước ngoài.

Dự án Đại học mới cho cải cách khu vực (NURI) nhằm mục đích khuyến khích và hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục bên ngoài thủ đô, để tạo ra sự phát triển cân bằng trên toàn quốc. Các tổ chức giáo dục khu vực đang gặp khó khăn trong việc tuyển sinh viên do sức ảnh hưởng quá lớn của các tổ chức trong khu vực Seoul, sinh viên tốt nghiệp từ các tổ chức giáo dục trong khu vực gặp khó khăn đáng kể trong việc tìm kiếm việc làm. Vì lý do này, dự án NURI nhằm mục đích nâng cao khả năng cạnh tranh của các tổ chức địa phương.

Các chuyên ngành được giảng dạy phù hợp với nhu cầu của nền kinh tế khu vực, để sinh viên tốt nghiệp có thể đóng góp, tạo ra một sự thúc đẩy cho các nền kinh tế này. Một quan hệ đối tác giữa các cấp cũng đang được thiết lập, Hệ thống đổi mới khu vực (RIS), trong đó các tổ chức giáo dục đại học, các viện nghiên cứu và quản lý địa phương đều hợp tác với nhau thành một mạng lưới. Ủy ban BK21-NURI (BNC) được thành lập năm 2006 nhằm đảm bảo quản lý cả hai dự án này đi đúng hướng.

Ngoài ra, Dự án Du học Hàn Quốc (2004) đã được thành lập để thu hút sinh viên quốc tế đến Hàn Quốc bằng cách cung cấp một chương trình học bổng lan rộng hơn, thiết lập cơ sở và cung cấp thông tin ở một số Trung tâm Giáo dục Hàn Quốc ở nước ngoài, cung cấp nhiều khóa học bằng tiếng Anh và chỗ ở tốt hơn cho sinh viên.

Cuối cùng, vào năm 2008, Dự án Đại học theo định hướng nghiên cứu tiêu chuẩn quốc tế đã được đưa ra (Dự án WCU), trong đó các nhà nghiên cứu hàng đầu từ nước ngoài được tuyển dụng để hợp tác với các học giả Hàn Quốc trong việc thực hiện nghiên cứu về đổi mới công nghệ.

Với mục đích quốc tế hóa giáo dục đại học, năm 2007, Quốc hội đã thông qua Quy chế hoạt động ngoại khóa giữa các trường đại học trong và ngoài nước, lần đầu tiên các trường đại học Hàn Quốc cung cấp các khóa học liên kết với nước ngoài và trao bằng đại học với một trường đại học nước ngoài.

Đào tạo từ xa và tại chức

Phần đào tạo tại chức và giáo dục từ xa chiếm một trong phần lớn hệ thống giáo dục Hàn Quốc, và được cung cấp bởi nhiều cơ sở giáo dục khác nhau, theo nhiều cách khác nhau, bao gồm cả những chương trình giáo dục trung học.

Đại học Mở Quốc gia Hàn Quốc (trước đây gọi là Đại học Phát sóng Hàn Quốc) cung cấp giáo dục từ xa cho người đi làm thông qua truyền hình, đài phát thanh (Hệ thống giáo dục broadcast), CD-ROM, Internet và băng video/cassette. Năm 1990, Hệ thống giáo dục quốc tế (EBS) được thành lập để mở rộng cơ hội học tập suốt đời cho những ai có nhu cầu. EBS phát sóng các chương trình văn hóa và xã hội hàng ngày thông qua TV, đài phát thanh và vệ tinh.

Các trường đại học điện tử và cao đẳng kỹ thuật số cung cấp các chương trình đào tạo từ xa thông qua Internet. Kể từ năm 2009, số lượng các chương trình này đã tăng lên và kể từ đó, họ không còn thuộc phạm vi điều chỉnh Đạo luật Giáo dục trọn đời như các trường đại học đào tạo từ xa, mà giờ đây được coi là các tổ chức giáo dục đại học bình thường thuộc Đạo luật Giáo dục Đại học. Họ cung cấp các chương trình đào tạo trung bình từ 2 và 3 năm (bằng liên kết) và các chương trình Cử nhân.

Các chương trình tự học là một lựa chọn khác, được giới thiệu vào năm 1990. Tại đây, sinh viên phải vượt qua bốn kỳ thi do chính phủ quy định. Bài kiểm tra bao gồm các phần sau: các môn chung (Liberal Arts), một chuyên ngành cơ bản, một chuyên ngành nâng cao và một bài kiểm tra cuối cùng bao gồm tất cả các chủ đề liên quan.

Trong hệ thống ngân hàng tín chỉ giáo dục (1998), mỗi sinh viên có thể thu thập các tín chỉ đã đạt được thông qua nhiều chương trình học khác nhau, ví dụ: thông qua các chương trình tự học, chứng chỉ cá nhân hoặc bán thời gian tại một trường đại học. Dựa trên các tín chỉ thu được, sinh viên sau đó có thể được nhận vào một cơ sở giáo dục đại học với một số điều kiện bổ sung, và từ đó có thể có được một văn bằng. Hệ thống này nằm dưới sự giám sát của Viện Phát triển Giáo dục Hàn Quốc (KEDI) (교육, Hanguk Gyoyuk Gaebalwon), cũng là trung tâm Quốc gia về giáo dục trọn đời.

Năm 2009, một hệ thống mới được chính phủ thiết lập nhằm hỗ trợ lĩnh vực học tập suốt đời, được gọi là hệ thống tài khoản học tập suốt đời, công nhận giáo dục phi hình thức với mọi lứa tuổi, để có thể có được bằng tốt nghiệp trong giáo dục tiểu học hoặc trung học. Đây là một lựa chọn bổ sung cho hệ thống ngân hàng tín chỉ - chỉ hoạt động trong bộ phận giáo dục đại học. Các tín chỉ để đủ điều kiện cần phải là một phần của chương trình đã được đánh giá và công nhận bởi Viện Giáo dục trọn đời, thành lập năm 2008, để được công nhận. NILE là sự hợp nhất của Trung tâm Giáo dục trọn đời, Trung tâm Ngân hàng Tín Chỉ trước đây là một

phần của KEDI (xem ở trên) và Phòng Đánh giá Văn bằng Cử nhân, trước đây là một phần của Đại học Mở Quốc gia Hàn Quốc (xem ở trên). Hệ thống tài khoản học tập suốt đời vẫn đang trong giai đoạn thử nghiệm.

Năm 2007, có mười bốn trường đại học công nghiệp (được gọi là trường đại học mở cho đến năm 1998, bây giờ còn được gọi là trường đại học bách khoa) cung cấp giáo dục kỹ thuật cho những người có đã có nền tảng kinh nghiệm là việc các ngành kỹ thuật hoặc công nghiệp, như Đại học Công nghệ Quốc gia Chinju, Đại học Chungwoon, Đại học Bách khoa Hàn Quốc và Đại học Công nghệ Quốc gia Seoul. Sự ợp tác chặt chẽ của chương trình này với ngành công nghiệp là một ưu tiên lớn. Phổ cập trình độ công nghiệp cung cấp các chương trình với trọng tâm thực tế và số năm học sinh phải hoàn thành chương trình là không giới hạn.

Phần lớn các trường đại học này cũng là 'trường cao đẳng trong công ty', điều đó có nghĩa là trường đại học này hợp tác với các doanh nghiệp trong các lĩnh vực khác nhau bao gồm cả nghiên cứu và phát triển.

Sinh viên được giao các vị trí làm việc tại công ty và nhân viên của công ty được đào tạo đến từ các trường đại học. Ví dụ Đại học Kỹ thuật số Seoul, hợp tác với mười lăm công ty khác nhau và Đại học Bách khoa Hàn Quốc, nơi cung cấp các chương trình cho các nhà quản lý cấp cao.

■ Cấp Đại học

Văn bằng Cử nhân(학사, *Haksa*)

Các chương trình cử nhân có thời gian đào tạo chính thức là 4 năm; các chương trình y dược và nha khoa thường mất 6 năm. Sinh viên cần tích lũy đủ 140 tín chỉ để hoàn thành chương trình cử nhân 4 năm, trong đó mỗi tín chỉ đại diện cho 1 giờ giảng/hướng dẫn hoặc 2 giờ thực hành trong phòng thí nghiệm/làm việc thực tế mỗi tuần, trong một học kỳ kéo dài 16 tuần. Trong khóa học, sinh viên cần có 42 tín chỉ - giá trị của các môn học nói chung. Các chương trình 6 năm yêu cầu 180 tín chỉ. Học sinh nam thường mất thêm 2 năm để hoàn thành việc học do nghĩa vụ quân sự bắt buộc.

Ngoài chuyên ngành của mình, sinh viên cũng có thể chọn một ngành phụ. Ngoài Cử nhân Chung (Ba) và Cử nhân Khoa học (BSc), bằng cấp cũng được trao cho các chuyên ngành liên quan mà sinh viên cũng theo học, chẳng hạn như Cử nhân Kỹ thuật và Cử nhân Công tác Xã hội. Các trường đại học sư phạm (Đại học Giáo dục) cung cấp các chương trình cho giáo viên tiểu học (giáo viên tiểu học), trong khi các chương trình đào tạo giáo viên trung học được giảng dạy tại trường đại học giáo dục của các trường đại học tổng hợp, chương trình cử nhân này kéo dài 4 năm.

Về cấp độ, văn bằng Cử nhân (학사, *Haksa*) sau thời gian học thông thường 4 năm tương ứng với văn bằng Cử nhân WO hoặc HBO tùy vào mỗi chuyên ngành

Văn bằng Thạc sĩ (석사, *Suksa*)

Sau khi hoàn thành chương trình cử nhân, sinh viên có thể tiếp tục học chương trình Thạc sĩ (sau khi vượt qua kỳ thi tuyển sinh) mất ít nhất 2 năm. Để làm như vậy, bằng cử nhân phải được hoàn thành với điểm trung bình tối thiểu 3.0 hoặc trung bình khoá học ít nhất hạng B.

Hai mươi tín chỉ là yêu cầu để hoàn thành chương trình thạc sĩ 2 năm. Bằng thạc sĩ được trao sau khi học viên hoàn thành các bài kiểm tra và được phê duyệt luận án.

Về cấp độ, Văn bằng Thạc sĩ (석사, *Suksa*) sau thời gian học thông thường 2 năm tương đương với văn bằng Thạc sĩ Wo với chuyên ngành tương tự.

Tiến sĩ (박사, *Paksa*)

Các chương trình để lấy bằng Tiến sĩ Triết lý (PhD) có thời gian đào tạo tối thiểu 3 năm và cần hoàn thành 36 tín chỉ học tập, cộng với việc bảo vệ thành công luận án tiến sĩ. Học sinh cần phải vượt qua các vòng bảo vệ, thông thạo hai ngoại ngữ và viết luận văn trị giá 6 tín chỉ.

Các chương trình Master--PhD kết hợp là một sự phát triển gần đây, với thời gian đào tạo chính thức là 4 năm và không cần kiểm tra đầu vào để được nhận vào thành phần tiến sĩ.

Giáo dục Nghề nghiệp cao cấp

Bằng liên kết

Giáo dục nghề nghiệp cao cấp có thể được cung cấp tại các trường cao đẳng cơ sở (전문대학, Jeonmun Daehak). Các trường cao đẳng này được xuất hiện vào năm 1979 và cung cấp các chương trình nghề nghiệp kết hợp giữa thành phần lý thuyết và thực tiễn, ban đầu chủ yếu là các chuyên ngành kỹ thuật, nhưng sau đó đã được mở rộng để bao gồm nhiều chương trình hơn. Hầu hết các chương trình mất 2 năm, tuy nhiên các ngành yêu cầu đặc thù cần 3 năm học để hoàn thành, bao gồm điều dưỡng, bệnh lý lâm sàng, phóng xạ, đánh bắt, điều hướng và kỹ thuật.

Yêu cầu đầu vào là chứng chỉ tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương), cũng như hoàn thành bài kiểm tra CSAT đạt yêu cầu cũng như kỳ thi tuyển sinh cho chính trường đại học muốn tham dự. Đối tượng các chương trình này hướng đến bao gồm các sinh viên tốt nghiệp từ các trường trung cấp dạy nghề, những người đã nghiên cứu/ làm việc ở một chuyên ngành có liên quan hoặc các chuyên gia và các nhân viên kỹ thuật hoặc giáo dục kỹ thuật.

80 tín chỉ được yêu cầu để hoàn thành các chương trình 2 năm và có được Bằng liên kết (được gọi là Chứng chỉ Cao đẳng / Văn bằng cho đến năm 1997).

Văn bằng này cho phép sinh viên tiếp tục học năm thứ ba của các chương trình cử nhân liên quan, mặc dù hầu hết sinh viên tốt nghiệp quyết định tìm việc làm. Hiện tại có khoảng 150 trường cao đẳng (junior college). Nhiều tổ chức trong số này đã bỏ chữ 'junior, năm 1998, hoặc đổi tên theo một cách khác.

Từ tháng 3 năm 2008, các trường cao đẳng bắt đầu cung cấp các khoá học 1 năm nâng cao, dẫn cung cấp cho người học văn bằng Cử nhân. Yêu cầu tổng cộng 140 tín chỉ phải hoàn thành để có thể nhận được văn bằng (trong đó, những tín chỉ thu được tại Cao đẳng vẫn được tính). Yêu cầu đầu vào của chương trình này là mỗi sinh viên phải có 1 năm kinh nghiệm làm việc sau khi tốt nghiệp cao đẳng.

Về cấp độ, văn bằng Liên kết tương đương với 2 năm học chương trình giáo dục nghề nghiệp cao cấp (HBO) chuyên ngành tương tự.

Hệ thống đánh giá

Các trường Trung học áp dụng mức đánh giá 5 bậc:

Điểm số	Mô tả
90-100	<i>Su</i>
80-89	<i>Wu</i>
70-79	<i>Mi</i>
60-69	<i>Yang</i>
< 59	<i>Ga</i>

Không có khung đồng bộ trong giáo dục Đại học. Hệ thống điểm của mỗi trường sẽ được thể hiện rõ ở bảng điểm đi kèm Văn bằng. Dưới đây là một vài ví dụ về hệ thống đánh giá sinh viên trong bộ phận giáo dục đại học:

Điểm số	Điểm chữ	Điểm trung bình
99-100	A+	4.5
90-94	A	4.0
85-89	B+	3.5
80-84	B	3.0
75-79	C+	2.5
70-74	C	2.0
65-69	D+	1.5
60-64	D	1.0
<59	F	0

Hoặc:

Điểm chữ	Điểm trung bình
A	4.0
B	3.0
C	2.0
P	Qua
NP	Trượt

Hoặc:

Điểm chữ	Điểm trung bình
A+	4.3
A0	4.0
A-	3.7
B+	3.3
B0	3.0
B-	2.7
C+	2.3
C0	2.0
C-	1.7
D+	1.3
D0	1.0
D-	0.7
F	0

■ Quản lý và kiểm định chất lượng

Không có cơ quan công nhận chung duy nhất nào chịu trách nhiệm công nhận văn bằng của toàn bộ hệ thống giáo dục đại học ở Hàn Quốc.

Có một số cơ quan công nhận tập trung hoàn toàn vào các nhóm mục tiêu của riêng họ. Ví dụ, Hội đồng Giáo dục Đại học Hàn Quốc (KCUE) (대학 교육, Hanguk Daehak Gyoyuk Hyupyihoe) chịu trách nhiệm kiểm định chất lượng và công nhận tất cả các chương trình trong các trường cao đẳng và đại học 4 năm. Viện Phát triển Giáo dục Hàn Quốc (KEDI) chịu trách nhiệm cho tất cả các chương trình phi chính thống. Hội đồng Giáo dục Đại học Hàn Quốc (KCCE) (한국 전문 대학 교육, Hanguk Jeonmun Daehak Gyoyuk Hyupyihoe), được thành lập năm 1997, bao gồm tất cả các giám đốc của tất cả các trường cao đẳng trong nước. Trong số những mục tiêu khác, KCCE tập trung vào việc cải thiện chất lượng giáo dục ở các trường cao đẳng, tăng quyền tự chủ và thúc đẩy sự hợp tác lẫn nhau giữa các cơ sở. Phiên bản tiếng Anh của trang web của họ chứa danh sách các trường cao đẳng được cấp phép, xem trong Danh sách các tổ chức giáo dục đại học.

Viện nghiên cứu giáo dục và đào tạo nghề Hàn Quốc (KRIVET) (직업 능력, Hanguk Jigeop Neungluk Gaebalwon), cũng được thành lập năm 1997, thực hiện nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục kỹ thuật và dạy nghề. KRIVET đã làm việc về các hệ

thống trình độ và đánh giá của các tổ chức cung cấp giáo dục nghề nghiệp.

Hội đồng Kiểm định Giáo dục Tham gia Giáo dục Hàn Quốc (ABEEK) (한국 공학 교육, Hanguk Gonghak Gyooyuk Injeungwon), Hội đồng Điều dưỡng Hàn Quốc (KABON) và Tổ chức Công nghệ Công nghiệp Hàn Quốc (KOTEF) chịu trách nhiệm quản lý các nhóm ngành đào tạo đặc thù của họ.

■ Công ước Quốc tế

Hàn Quốc đã có thoả thuận hợp tác giá oducj với nhiều nước khác nhau bao gồm Trung Quốc, Mongolia, Úc, New Zealand, Indonesia, Nga, Hungary, Đan Mạch, Ukraine, Saudi Arabia, Uzbekistan, Yemen, Kazakhstan và Hà Lan.

■ Yêu cầu hồ sơ

Đối với một bộ hồ sơ hoàn chỉnh với mỗi cấp giáo dục trung học và đại học, văn bằng và danh sách các hạng mục đi kèm sẽ được cấp theo yêu cầu bằng tiếng Anh. Các trường thường sẽ cấp một chứng chỉ bằng tiếng Anh (Giấy chứng nhận tốt nghiệp), kèm theo Hồ sơ học tập hoặc Bảng điểm trường. Các tổ chức giáo dục đại học thường cấp chứng chỉ bằng tiếng Anh, Giấy chứng nhận tốt nghiệp, kèm theo một học thuật. Bảng điểm. Các tài liệu bằng tiếng Hàn cũng có thể được yêu cầu.

Xác thực

Các văn bằng của Hàn Quốc không có vấn đề về xác thực quá nổi trội. Trong nhiều trường hợp, có thể xác minh trực tiếp tình trạng của văn bằng, bảng điểm được cấp trong thời hạn 90 ngày sau ngày cấp.

Ví dụ cho việc xác thực tại các trường:

- [Korea University](#)
- [Seoul Institute of the Arts](#)
- [CERTPIA](#), Phục vụ nhiều cơ sở đào tạo Đại học Hàn Quốc ;
- KICE [verificatiwebsite](#) xác minh điểm thi CSAT (College Scholastic Aptitude Test).

■ Danh sách các cơ sở Giáo dục Đại học

- [Website](#) của KCUE (Hội đồng Giáo dục Đại học Hàn Quốc), với tổng quan về các cơ sở quốc gia, công lập và tư nhân.
- [Website](#) của KCCE (Hội đồng Giáo dục Cao đẳng Hàn Quốc), với tổng quan về các trường Cao đẳng và website của họ.
- [Website](#) của MOE (Bộ Giáo dục Hàn Quốc), với tổng quan về các cơ sở giáo dục từ xa trong giáo dục Đại học (Đại học online).

■ Thông tin thêm

- [Website](#) of MOE, the Ministry of Education (English version).
- [Website](#) of the KCUE (Korean Council for University Education), the interest group for the universities and 4-year colleges.
- [Website](#) of the KEDI, Korean Educational Development Institute.
- [Website](#) of the National Institute for Lifelong Learning, including information about the Academic Credit Bank System and the Lifelong Learning Account System.
- [Website](#) of the KRIVET (Korean Research Institute for Vocational Education and Training), the research institute for technical and vocational education.
- [Website](#) of the KICE, including information on the admission requirements for higher education and on the curriculum of the secondary education.
- [Website](#) of the Educational Broadcasting System with information on distance education for adults.
- [Website](#) of Korea Net (Gateway to Korea), a general page for information on South Korea.
- [Website](#) of the Nuffic NESO office in South Korea.